

Bản án số: **07/2025/HNGĐ- ST**
Ngày : 09.4.2025
V/v tranh chấp: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Thị Sáu**

2. Bà **Nguyễn Thị Tài**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Anh Vương**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hà**- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 259/2024/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị T**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số nhà 10, thôn HT 1, xã TB, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Quốc C**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn 5, xã LN, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

(chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/9/2024 các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh Nguyễn Quốc C chung sống với nhau từ năm 2014, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới tại nhà chị T, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TB, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng ngày 21 tháng 4 năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại thôn 5, xã LN, huyện B, tỉnh Lâm Đồng được mấy tháng, khi sinh con thì chị T về nhà bố mẹ đẻ ở huyện DL sinh sống. Khi con chung được 01 tuổi thì vợ chồng có mâu thuẫn nên đã ly thân đến nay. Lý do vợ chồng không hợp nhau, anh C đánh đập, chửi bới chị T, bài bạc không lo làm ăn. Từ khi ly thân vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau, không ở chung. Gia đình hai bên cũng có khuyên giải nhưng không được. Nay vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh C.

Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh C có 01 con chung là Nguyễn Lê Bảo N, sinh ngày 24/10/2014. Sau khi ly thân, khi con chung được 02 tuổi thì chị T giao con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng đến nay, ở cùng anh C và bố mẹ anh C. chị T có gọi điện thoại thăm con, có gửi tiền phụ nuôi con. Nay con vẫn phát triển bình thường, khi nộp đơn ly hôn thì chị T có nói chuyện với anh C qua điện thoại thì anh C vẫn muốn tiếp tục nuôi con chung. Nay chị T đồng ý giao con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, chị T không cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh C không đến làm việc, không đưa con đến để Tòa án hỏi ý kiến của con về việc chung sống với ai sau khi anh chị ly hôn. chị T yêu cầu Tòa án liên hệ và lấy ý kiến của con chung là cháu Nguyễn Lê Bảo N. Trường hợp cháu N yêu cầu được chung sống với ai thì chị T tôn trọng ý kiến của con chung.

Về tài sản chung: chị T và anh C không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: chị T và anh C không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Quốc C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc về vụ án ly hôn nhưng anh C vắng mặt không có lý do nên không có lời khai nào.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 22 tháng 01 năm 2025 nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Kết thúc phần tranh luận, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị T, cho chị T và anh Nguyễn Quốc C được ly hôn. Về con chung cần giao con chung là Nguyễn Lê Bảo N, sinh ngày 24/10/2014 cho anh Nguyễn Quốc C tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, chị T không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét, giải quyết. Về án phí yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Lê Thị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Quốc C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Quốc C chung sống với nhau từ năm 2014, hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TB,

huyện DL, tỉnh Lâm Đồng ngày 21 tháng 4 năm 2014. Đây là quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại thôn 5, xã LN, huyện B, tỉnh Lâm Đồng được một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Lý do phát sinh mâu thuẫn chị T trình bày do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, có đánh đập nhau, anh C bài bạc không lo làm ăn. Từ khi ly thân đến nay cả hai không quan tâm chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn. chị T yêu cầu giải quyết ly hôn với anh C. Quá trình giải quyết, Tòa án có triệu tập họp lệ anh C nhiều lần nhưng không đến làm việc, có hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét mâu thuẫn vợ chồng của chị T, anh C là có thật và đến nay không thể hàn gắn đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị T được ly hôn với anh C là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung: Căn cứ lời khai của chị T, bản khai sinh của con do chị T nộp tại Tòa án thì quá trình chung sống chị T và anh C có 01 con chung tên là Nguyễn Lê Bảo N, sinh ngày 24/10/2014. chị T thừa nhận từ khi ly thân thì anh C trực tiếp nuôi con chung, hiện nay con phát triển bình thường, được đi học đầy đủ. chị T thỉnh thoảng có gọi điện thoại thăm con. Nay ly hôn chị T đồng ý và tôn trọng ý kiến của con chung, nếu anh C tiếp tục nuôi con thì chị T cũng đồng ý giao con cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Quá trình giải quyết vụ án, anh C không đến làm việc. Tòa án có xác minh, được biết hiện nay cháu N đang sinh sống cùng anh C và bố mẹ ruột của anh C, con phát triển bình thường, đi học đầy đủ. Vì vậy để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức của con, căn cứ vào các điều 70, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần giao con chung là Nguyễn Lê Bảo N, sinh ngày 24/10/2014 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là có cơ sở và đúng pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị T trình bày chị không cấp dưỡng nuôi con chung, anh C không đến làm việc nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: chị T trình bày chị và anh C không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: chị T trình bày chị và anh C không có nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 235, Điều 264, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 70, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T đối với anh Nguyễn Quốc C về việc “Ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Quốc C.

2. Về con chung: Buộc chị Lê Thị T có nghĩa vụ giao con chung là Nguyễn Lê Bảo N, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2014 cho anh Nguyễn Quốc C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, chị T không cấp dưỡng nuôi con chung.

“Quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình”.

3. Về án phí: Buộc chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp tại biên lai nộp tiền số 0007293 ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã TB, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Bích Thủy

